

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2017/KDTM-ST**

Ngày : 04-6-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Bà Võ Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín– Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

- Đại diện VKS nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2017/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P

Địa chỉ: Số 164 N, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng, có ông Nguyễn Anh H – Chủ tịch HĐQT đại diện theo pháp luật, ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Sáu H

. Sinh Năm: 1979. Địa chỉ: Số 147 T, quận H, TP Đà Nẵng, tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2017, có mặt

- *Bị đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B**

Địa chỉ: Số 36 A N, phường 13 quận T, thành phố Hồ Chí Minh có ông Đinh Tiến S - Giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Sáu H trình bày:

Vào ngày 04/11/2015, Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P (Công ty P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B (Công ty B) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 221/2015/HĐMB để cung ứng bê tông thương phẩm cho công trình khách sạn Bạch Việt, địa chỉ: số 86B đường Duy Tân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Thực hiện theo nội dung hợp đồng đã được hai bên ký kết, từ ngày 11/11/2015 đến ngày 30/4/2016 Công ty P đã nhiều lần cung ứng khối lượng bê tông cho Công ty B đến tại chân công trình Khách sạn Bạch Việt với tổng giá trị thành tiền thành tiền là 2.281.565.000đ. Sau đó, Công ty B đã thanh toán cho Công ty P số tiền 298.000.000đ (vào ngày 17/3/2016 và ngày 30/4/2016). Tổng giá trị còn lại phải thanh toán là 1.983.565.000đ, Công ty B đã xác nhận nợ tại Công văn số 2605/PKT ngày 26/5/2016 và hẹn trong thời gian từ 20/6/2016 đến 31/12/2016 sẽ trả dứt điểm số tiền nợ trên cho Công ty P nhưng không thực hiện đúng cam kết. Sau ngày 31/12/2016 đến nay Công ty P đã nhiều lần yêu cầu, tạo điều kiện để Công ty B thanh toán nợ nhưng Công ty B vẫn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, Công ty P đã làm đơn khởi kiện và yêu cầu tòa án giải quyết buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền: 2.271.099.000đ (trong đó nợ gốc: 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 26/5/2016 đến 04/10/2017 là 287.534.000đ). Tại phiên tòa hôm nay, bà Hạnh thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và lãi

tính đến thời điểm xét xử là 2.592.559.000đ (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến 04/6/2018 là 608.994.126đ)

Đối với bị đơn Công ty B: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản triệu tập Công ty B để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa, tuy nhiên đại diện theo pháp luật của Công ty B là ông Đinh Tiến S vẫn vắng mặt không có lý do, không nộp bản tự khai cho tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đại diện Công ty P có yêu cầu xin thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 2.592.559.000đ (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến 04/6/2018 là 608.994.126đ) nhưng đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu thay đổi mức lãi suất và thời gian tính lãi của nguyên đơn làm tăng số tiền buộc bị đơn phải trả so với đơn khởi kiện ban đầu là việc thay đổi vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời căn cứ Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty B phải trả cho Công ty P số tiền: 2.271.099.000đ (trong đó nợ gốc: 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 26/5/2016 đến 04/10/2017 là 287.534.000đ) như nội dung đơn khởi kiện ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về phần thủ tục:** Đơn khởi kiện của Công ty P yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng giải quyết tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty B là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty B vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của Công ty B.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 04/11/2015, Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P (Công ty P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B (Công ty B) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 221/2015/HĐMB và phụ lục hợp đồng số 01/221/PLHĐ-PYC ngày 09/11/2015 để cung ứng bê tông thương phẩm cho công trình khách sạn Bạch Việt, địa chỉ: số 86B đường Duy Tân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Thực hiện theo nội dung hợp đồng đã được hai bên ký kết, từ ngày 11/11/2015 đến ngày 30/4/2016 Công ty P đã nhiều lần cung ứng khối lượng bê tông cho Công ty B đến tại chân công trình Khách sạn Bạch Việt với tổng giá trị thành tiền là 2.281.565.000đ. Sau đó, Công ty B đã thanh toán Công ty P số tiền 298.000.000đ (vào ngày 17/3/2016 và ngày 30/4/2016). Tổng giá trị còn lại phải thanh toán là 1.983.565.000đ tiền gốc, Công ty P đã tạo điều kiện cho Công ty B trả nợ nhưng không có kết quả nên Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền: 2.271.099.000đ (trong đó nợ gốc: 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 26/5/2016 đến 04/10/2017 là 287.534.000đ). Tại phiên tòa hôm

nay, bà H thay đổi số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 2.592.559.000đ (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến 04/6/2018 là 608.994.126đ).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy : Hợp đồng kinh tế số 221/2015/HĐMB ngày 14/11/2015 và phụ lục hợp đồng số 01/221/PLHĐ-PYC ngày 09/11/2015 được Công ty P và Công ty B thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại với nội dung Công ty P có trách nhiệm cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm đến chân công trình Khách sạn Bạch Việt. Địa chỉ: số 86B đường Duy Tân quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cho Công ty B. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã cung cấp bê tông cho Công ty B nhiều lần với tổng số tiền 2.281.565đ. Ngày 17/3/2016 và ngày 30/4/2016 Công ty B đã trả được số tiền 298.000.000. Mặc dù Công ty B không ký xác nhận vào bản đối chiếu do Công ty P lập nhưng Công ty B có công văn số 2605/PKT ngày 26/5/2016 xác nhận nợ Công ty P số tiền 1.983.565.000đ và hẹn trong thời gian từ 20/6/2016 đến 31/12/2016 sẽ trả dứt điểm số tiền nợ trên cho Công ty B, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H thay đổi số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 2.592.559.000đ (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến 04/6/2018 là 608.994.126đ- lãi suất do chậm thanh toán được tính là 15,65%/năm). Hội đồng xét xử căn cứ nội dung án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán, căn cứ điều 306 Luật thương mại quy định về quyền tính lãi khi chậm thực hiện việc thanh toán, căn cứ các công văn số 450/CV-ĐAN.KT ngày 21/5/2018 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 60/CV- CNĐN-TH ngày 21/5/2018 của ngân hàng Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 443/NHNoDDN-PC ngày 21/5/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng xác định lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng tại thời

điểm xét xử là 15,65% phù hợp với mức lãi suất mà Công ty P đã tính nên chấp nhận yêu cầu về thay đổi mức lãi suất và thời gian tính lãi chậm thanh toán.

Đối với bị đơn đã được Tòa tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có tự khai trong hồ sơ vụ án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện VKSND quận Sơn Trà nhận định theo đơn khởi kiện Công ty P đã xác định nội dung khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền: 2.271.099.000đ (trong đó nợ gốc: 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 26/5/2016 đến 04/10/2017 là 287.534.000đ) nên việc thay đổi nội dung khởi kiện tại phiên tòa, số tiền yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả số tiền 2.592.559.000đ (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến 04/6/2018 là 608.994.126đ) như vậy là việc thay đổi vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không chấp nhận yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất, thời gian tính lãi. Bà H không đồng ý với quan điểm nêu trên của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điều 306 Luật thương mại quy định : “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...*”. Tại thời điểm xét xử Công ty B vẫn đang vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo đơn khởi kiện Công ty P có yêu cầu giải quyết về lãi do chậm thanh toán nên việc thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi tại phiên tòa hôm nay.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo mức án phí có giá ngạch của số tiền 2.592.559.000đồng tương đương mức án phí là: 83.851.100 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 50, điều 306 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Xử: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P số tiền là 2.592.559.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm năm mươi chín ngàn đồng) (trong đó nợ gốc là 1.983.565.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến ngày 04/6/2018 là 608.994.126đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí KDTM: 83.851.100đồng(Tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi một ngàn một trăm đồng) Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ B phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P số tiền tạm ứng án phí là 38.710.990đồng(ba mươi tám triệu bảy trăm mười ngàn chín trăm chín mươi

đồng) theo biên lai thu số 008290 ngày 02/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mỹ Dung

Số: 06 /2018/QĐ- SCQĐ

Sơn Trà, ngày 13 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án do lỗi về kỹ thuật đánh máy trong Bản án số 04/2018/KDTM-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 đã giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa :

- *Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư thương mại P*

Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Công Trứ, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, có ông Nguyễn Anh Hoàng – Chủ tịch HĐQT đại diện theo pháp luật, ông Hoàng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Sáu H . Sinh Năm: 1979. Địa chỉ: Số 147 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2017.

- *Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ B*

Địa chỉ: Số 36 A Núi Thành, phường 13 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh có ông Đinh Tiến Sử - Giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 04/2018/KDTM-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng như sau:

Tại dòng thứ 18 từ trên xuống, trang 01 của Bản án đã ghi: “*..Thu Hương- Kiểm sát viên...*”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau : “*..Hương Thu - Kiểm sát viên...*”.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỒ THỊ MỸ DUNG